

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HNGĐ-PT

Ngày 05 tháng 7 năm 2017

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Quốc Hùng

Các thẩm phán: Ông Lương Xuân Lộc

Bà Phạm Thị Minh Hiền

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đỗ Văn Đức
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2017/TLPT-HNGĐ ngày 9/5/2017, về tranh chấp hôn nhân gia đình.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2017/HNGĐ-ST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2017/QĐPT - HNGĐ ngày 22/6/2017, giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Anh Lê Hữu T, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Khu 34, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị Phương Mai, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Lê Hữu T là luật sư Giáp Thị V - Luật sư văn phòng luật sư Kim Vĩnh An - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại tòa án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Lê Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị Phương M kết hôn ngày 30/11/2012, đăng ký tại UBND xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn anh T và chị M về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc. Nhưng đến tháng 9/2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2016 đến nay. Mặc dù, đã được hai gia đình khuyên bảo, hoà giải, nhưng vợ chồng vẫn không thể đoàn tụ được. Nay, anh T xác định không còn tình cảm gì với chị M, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về con chung: Anh và chị M có một con chung là Lê An T, sinh ngày 27/8/2013. Nay ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị Mai cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Anh T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hoàng Thị Phương M trình bày: Chị và anh T kết hôn ngày 30/11/2012, trên cơ sở hoàn toàn hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc. Sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do đặc thù công việc, anh T thường xuyên đi làm xa, không quan tâm gì đến vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn như trước, nhiều lần vợ chồng đã to tiếng, cãi vã nhau. Nay, chị M xác định không còn tình cảm gì với anh T, chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Tiến.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Lê An T, sinh ngày 27/8/2013. Hiện cháu Thái đang ở với chị, khỏe mạnh, phát triển bình thường. Nay ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, về công nợ: Chị M xác định vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2017/HNGĐ-ST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang đã áp dụng: Điều 51, Điều 55, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Hữu T và chị Hoàng Thị Phương M.

2.Về con chung: Giao con chung là cháu Lê An T, sinh ngày 27/8/2013 cho chị Hoàng Thị Phương M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Hữu T có trách nhiệm cấp

dưỡng nuôi con cho chị M 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 4/2017 cho đến khi cháu Lê An T tròn 18 tuổi. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh T nhận chịu cả 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/05881 ngày 27/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị M nhận chịu cả 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 7/4/2017 anh Lê Hữu T kháng cáo bản án sơ thẩm về phần con chung, cùng ngày anh T nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Anh T kháng cáo đề nghị giao con chung Lê An T cho anh nuôi dưỡng, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do kháng cáo: Công việc của anh ổn định hiện nay chỉ làm trong giờ hành chính, đảm bảo thu nhập để chăm sóc con chung, chị M hiện đang làm việc ở Công ty công việc bận rộn, làm ca mọi sinh hoạt của cháu do bà ngoại, bố mẹ anh là giáo viên có cả điều kiện và thời gian chăm sóc cháu T

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn anh Lê Hữu T không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Lê Hữu T trình bày: Hiện nay anh đang công tác tại Trại giam Ngọc Lý, làm tại cơ sở chính của trại, rất gần nhà, trong trại giam thì có nhà trẻ dành riêng cho con em trong trại; gia đình anh Bố mẹ đều là giáo viên; Lương anh cao. Do vậy, anh có điều kiện nuôi con chung tốt hơn chị M, đảm bảo cho con chung có cuộc sống tốt. Vì vậy, đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T trình bày: Gia đình anh T là gia đình chính sách (Ông Nội anh T là liệt sỹ); Bố mẹ anh T là giáo viên nghỉ hưu; bản thân anh T làm việc gần nhà; thu nhập cao và ổn định. Cháu T là cháu đích tôn. Do vậy, cần căn cứ theo quy định của pháp luật cũng như phong tục địa phương thì giao cháu T cho anh T sẽ đảm bảo được nuôi dạy tốt hơn khi giao cho chị . Vì vậy, đề nghị tòa án chấp nhận kháng cáo của anh T. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Hoàng Thị Phương M trình bày: Án sơ thẩm xử là có căn cứ; chị không kháng cáo.

Hiện nay con chung của chị và anh T ở ổn định với chị từ lâu (từ khi hai vợ chồng ly thân nhau) cháu vẫn được chị chăm sóc đầy đủ. Hiện nay chị ở cùng gia đình mẹ đẻ, chị làm công việc hành chính tại Công ty Hồng Hải có thu nhập ổn

định, chỉ đảm bảo nuôi dạy con chung tốt. Do vậy, chị không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh Tiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX, thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cả hai vợ chồng anh T, chị M đều có điều kiện nuôi dạy con tốt. Nhưng hiện nay cháu đang ở với mẹ, hơn nữa cháu còn nhỏ (hơn 3 tuổi) nên không cần thiết phải xáo trộn cuộc sống của cháu. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng; ý kiến của kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hữu T và chị Hoàng Thị Phương M kết hôn ngày 30/11/2012, đăng ký tại UBND xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị M. Chị M nhất trí ly hôn. Bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, để công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị M. Các đương sự không kháng cáo.

[2]. Về con chung: Anh T và chị M có 01 con chung là Lê An T, sinh ngày 27/8/2013. Bản án sơ thẩm giao con chung là cháu Lê An T, sinh ngày 27/8/2013 cho chị Hoàng Thị Phương M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Hữu T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị M 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 4/2017 cho đến khi cháu Lê An T tròn 18 tuổi. Anh Tiến được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh T kháng cáo không đồng ý. Xét kháng cáo của anh T Hội đồng xét xử thấy:

Hiện nay cháu Lê An T đang ở cùng chị M cháu vẫn được chăm sóc, giáo dục tốt. Chị M, anh T đều có điều kiện nuôi con chung, có đủ điều kiện chăm sóc cháu tốt. Tuy nhiên, cháu T còn nhỏ, đang ở ổn định cùng mẹ, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu T, Hội đồng xét xử xét không cần thiết phải thay đổi người trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của anh T, nên căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề

ngợi của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp các quy định của pháp luật.

Nếu sau này chị M là người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh T có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Hữu T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử :

1. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê An T, sinh ngày 27/8/2013 cho chị Hoàng Thị Phương M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Hữu T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị Mai 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 4/2017 cho đến khi cháu Lê An T tròn 18 tuổi. Anh Tiến được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/06169 ngày 7/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

- VKSND tỉnh Bắc Giang;

-TAND tp Bắc Giang;

-VKSND tp Bắc Giang;

-Chi cục THADS Tp Bắc Giang;

-UBND xã Song Mai, tp Bắc Giang;

-Các đương sự;

-Lưu HS, TDS.

Thân Quốc Hùng

